

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P,
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 206/2023/HS-ST
Ngày: 30-10-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Nữ Kiều Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Kiều Thu

Bà Lưu Thị Thôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 163/2023/HSST ngày 10 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

NGÔ VĂN T, sinh năm 2001 tại tỉnh Bình Thuận.

HKTT và nơi cư trú: khu phố G 1, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không rõ và bà Ngô Thị Kim M, sinh năm 1985; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ, con: chưa có. Tiền án: không; tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 18/5/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ra Quyết định 1042/QĐ-XPHC ngày 18/5/2023 xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi “Trộm cắp tài sản” ngày 18/10/2022 với số tiền 2.500.000 đồng, đã chấp hành xong Quyết định.

Bị cáo đang tại ngoại tại địa phương và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Ông **Nguyễn Sơn H**, sinh năm 1980. Địa chỉ: khu phố 5, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông **Văn Thành H**, sinh năm 1990. Địa chỉ: khu phố 1, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

- Ông **Ngô Anh T2**, sinh năm 1985. Địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 25/9/2022, Ngô Văn T sau khi chơi game xong thì đi bộ về nhà trọ. Khi đi ngang qua số nhà 41/30 đường H (thuộc khu phố 5, phường L, thành phố P) thì T phát hiện trước nhà có dựng một chiếc xe mô tô biển số 86C1 - 6...34 của anh Nguyễn Sơn H, trên xe có cắm sẵn chìa khóa không có người trông coi nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này. Tuấn lén lút đi tới xe mô tô biển số 86C1 - 6...34 mở khóa và điều khiển đến phòng trọ của T tại khu phố 1, phường H, thành phố P. Khi về đến phòng trọ, T gặp Văn Thành H là người ở chung dãy nhà trọ với Tuấn. T nhờ H cầm thế xe mô tô biển số 86C1 - 6...34 giúp T thì H hỏi “xe mô tô này ở đâu có”, T trả lời “xe này là của gia đình, do đang kẹt tiền nên mang đi cầm”. Thấy vậy H đồng ý đưa xe đi cầm thế xe giúp cho T. H mang xe đến cầm thế cho Ngô Anh T2 với giá 2.300.000 đồng sau đó đưa cho T số tiền 2.300.000 đồng. T cho H 800.000 đồng, số tiền còn lại T giữ và tiêu xài hết.

Đến khoảng 14 giờ ngày 25/9/2022, anh Nguyễn Sơn H phát hiện xe mô tô biển số 86C1 - 6...34 bị mất trộm nên đã đến Công an phường L trình báo sự việc. Qua rà soát đối tượng, Công an phường L đã triệu tập Ngô Văn T đến làm việc và Tuấn đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như trên. Sau đó T đã đưa cho H số tiền 2.500.000 đồng để chuộc xe mô tô lại từ Ngô Anh T2 và H đem xe giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Vật chứng của vụ án:

01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 86C1-647.34, số máy JF63E1783766, số khung 6307FZ790726 do Văn Thành H giao nộp.

Tại Kết luận định giá tài sản số 169/KL-HĐĐG ngày 24/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P kết luận:

01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 86C1 - 64734. Tổng trị giá tài sản: 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng.

Xử lý vật chứng và dân sự:

Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô nêu trên cho anh Nguyễn Sơn H, anh H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 158/CT-VKSPT ngày 09/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo Ngô Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Ngô Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về biện pháp tư pháp: bị hại Nguyễn Sơn H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét. Về xử lý vật chứng: cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô nêu trên cho anh Nguyễn Sơn H.

Bị cáo Ngô Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng; bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên và không tự bào chữa. Bị cáo nói lời sau cùng: hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, theo hồ sơ đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong vụ án này có người bị hại Nguyễn Sơn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị cáo và Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt người bị hại. Xét thấy sự vắng mặt của người bị hại không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án, mặt khác bị hại đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của bị hại trước tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ buộc tội đối với bị cáo:

Vào khoảng 11 giờ ngày 25/9/2022, tại trước số nhà 41/30 đường H (thuộc khu phố 5, phường L, thành phố P), bị cáo Ngô Văn T có hành vi lén lút trộm cắp xe mô tô biển số 86C1 - 6...34 trị giá 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng của anh Nguyễn Sơn H.

Bị cáo T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì động cơ tham lam, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã bất chấp sự trừng trị của pháp luật,

lợi dụng sơ hở của người bị hại H trong việc quản lý tài sản, cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại cùng với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, vì vậy cần có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nhằm cải tạo, răn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ: xét thấy sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, Ngô Văn T đã đưa số tiền 2.500.000 đồng cho Văn Thành H để H chuộc xe mô tô biển số 86C - 6...34 giao nộp cho Cơ quan điều tra nhằm khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; ngoài ra người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô nêu trên cho anh Nguyễn Sơn H, anh H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về vấn đề khác:

Đối với Văn Thành H và Ngô Anh T2 đã cầm thế xe giúp cho Ngô Văn T nhưng đều không biết xe mô tô nêu trên là do Ngô Anh T2 phạm tội mà có, do đó Cơ quan điều tra không xử lý đối với Văn Thành H và Ngô Anh T2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Ngô Văn T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Ngô Văn T **06** tháng (sáu tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo Ngô Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo của bị cáo có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/10/2023). Quyền kháng cáo của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Phan Thiết;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an TP Phan Thiết;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c cư trú;
- Thi hành án thành phố P;
- Lưu: hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Nữ Kiều Mỹ